037765.24

VIB

CÔNG BỐ THÔNG TIN TỶ LỆ AN TOÀN VỐN THEO THÔNG TƯ SỐ 41/2016/TT-NHNN

Cho giai đoạn kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

037765.24

Phương pháp công bố thông tin

Báo cáo này được xây dựng dựa theo quy định công bố thông tin về tỷ lệ an toàn vốn của VIB và được đăng tải 6 tháng một lần (theo quy định) hoặc sớm hơn, tại website của ngân hàng theo đường dẫn:

https://vib.com.vn/wps/portal/about/shareholder/shareholder-info

Cam kết của Ban lãnh đạo về công bố thông tin

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trong báo cáo này là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

037765.24

TỔNG QUAN

Tổng quan về thông tư 41 và Basel II

Nội dung công bố thông tin

HỆ SỐ AN TOÀN VỐN

Tóm tắt thông tin các chỉ tiêu công bố chính

Phương pháp quản trị và tính toán

VỐN TỰ CÓ

Cấu trúc vốn tự có

Tình hình vốn tự có

Phương pháp quản trị và tính toán

RỦI RO TÍN DỤNG

Chính sách về quản lý rủi ro tín dụng

Công bố thông tin về tài sản có rủi ro tín dụng

Công bố thông tin về sử dụng xếp hạng tín nhiệm

Công bố thông tin về tài sản có rủi ro tín dụng theo ngành

Công bố thông tin về giảm thiểu rủi ro tín dụng

RỦI RO HOẠT ĐỘNG

Chính sách về quản lý rủi ro hoạt động

Kế hoạch duy trì hoạt động liên tục trong kinh doanh

Công bố thông tin về rủi ro hoạt động

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Chính sách về quản trị rủi ro thị trường

Công bố thông tin về rủi ro thị trường

THÔNG TIN CHUNG

Giới thiệu về VIB

Quản trị rủi ro và các hệ số an toàn của VIB

Phương pháp công bố thông tin và cam kết của ban lãnh đạo

037765.24

TỔNG QUAN

1 Tổng quan về thông tư 41 và Basel II

Áp dụng tiêu chuẩn Basel II là một yêu cầu cấp thiết cho các ngân hàng thương mại Việt Nam nhằm đảm bảo tính an toàn của hoạt động ngân hàng và tạo ra sự phòng vệ trước những rủi ro trọng yếu như rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường và rủi ro hoạt động. Tháng 12 năm 2016, Thông tư 41/2016/TT-NHNN được chính thức ban hành bởi Ngân hàng Nhà nước (NHNN), đưa hệ thống ngân hàng Việt Nam tiến gần hơn với các tiêu chuẩn quốc tế.

Thông tư 41 quy định về phần lớn nội dung của hai trong ba trụ cột Basel II: Hệ số an toàn vốn (CAR) và Công bố thông tin (Disclosure of information). Thông tư cung cấp cho các ngân hàng hướng dẫn rõ ràng và cụ thể về cách tính CAR, ở đó rủi ro tín dụng, rủi ro hoạt động và rủi ro thị trường đều được cân nhắc tới. Bên cạnh việc đưa ra các quy định và hướng dẫn, Thông tư 41 cũng phần nào thúc đẩy các ngân hàng tìm ra những chiến lược và mục tiêu kinh doanh ít rủi ro hơn, cũng như dành ưu tiên cho những khoản vay đủ điều kiện áp dụng các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Để tiếp tục hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về triển khai Chuẩn mực vốn Basel II tại Việt Nam, tháng 5 năm 2018, Thống đốc NHNN đã ban hành Thông tư số 13/2018/TT-NHNN quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ đối của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, trong đó có cấu phần quy định về đánh giá nội bộ về mức đủ vốn (ICAAP) thuộc trụ cột 2 của Basel II.

Tháng 8 năm 2022, NHNN đã ban hành Quyết định 1382/QĐ-NHNN v/v ban hành kế hoạch hành động của ngành triển khai thực hiện Đề án "Cơ cấu lại hệ thống các TCTD gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021 - 2025", trong đó có nhiều nội dung về việc tiếp tục triển khai Basel II theo phương pháp nâng cao, mục tiêu hoàn thành trước 2025. Như vậy, sau khi ban hành Thông tư 41 năm 2016 và Thông tư 13 năm 2018 nhằm hoàn thiện khuôn khổ pháp lý cho việc triển khai Basel II theo phương pháp tiêu chuẩn với đầy đủ cả 3 trụ cột, NHNN đang tiếp tục định hướng các TCTD tiếp tục nâng cao năng lực phân tích dữ liệu, xây dựng mô hình và quản trị rủi ro thông qua lộ trình triển khai Basel theo phương pháp nâng cao.

Nội dung công bố thông tin

Thực hiện nội dung quy định Thông tư 41, VIB thực hiện công bố thông tin chi tiết tỷ lệ an toàn vốn tại điều 20 – Thông tư 41, tối thiểu 6 tháng/lần theo năm tài chính dựa trên các nội dung quy định tại Phụ lục 5 –Thông tư này và các nội dung VIB chủ động công bố khác không theo quy định.

Phạm vi tính toán

Tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất được tính trên cơ sở báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con. Tại thời điểm 30/06/2023, Ngân hàng VIB có một công ty con sở hữu trực tiếp là Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản – Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (viết tắt VIB AMC) và không phát sinh các khoản đầu tư vào công ty con là doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm.

037765.24

HỆ SỐ AN TOÀN VỐN

2 Hệ số an toàn vốn

Tỷ lệ an toàn vốn (**CAR**) tính theo đơn vị phần trăm (%) được xác định bằng công thức:

$$CAR = \frac{C}{RWA + 12{,}5(K_{OR} + K_{MR})} \times 100\%$$

Trong đó:

- **C**: Vốn tự có;

- **RWA**: Tổng tài sản tính theo rủi ro tín dụng;

- **K_{OR}**: Vốn yêu cầu cho rủi ro hoạt động;

- **K_{MR}**: Vốn yêu cầu cho rủi ro thị trường.

VIB đã ban hành quy định Quản trị tỷ lệ an toàn vốn (CAR) theo Thông tư 41 nhằm đưa ra nguyên tắc, mô hình quản trị tỷ lệ, các yêu cầu về hệ thống công nghệ thông tin và trách nhiệm của các bên liên quan trong công tác đo lường, giám sát và báo cáo tỷ lệ an toàn vốn.

Hệ thống tính toán tỷ lệ an toàn vốn của VIB đã được tự động hóa dựa trên nền tảng dữ liệu các hệ thống lõi của ngân hàng. Dữ liệu tính toán thường xuyên được kiểm tra, đối chiếu nhằm đảm bảo tính chính xác. Tỷ lệ an toàn vốn được định kỳ giám sát, dự báo và báo cáo Ban Điều hành, Hội đồng Vốn nhằm kiểm soát hoạt động kinh doanh, đảm bảo tỷ lệ CAR tuân thủ khẩu vị rủi ro và các hạn mức đã được phê duyệt.

Tỷ lệ an toàn vốn	30/06/2023 tỷ đồng, %	31/12/2022 tỷ đồng, %
Báo cáo hợp nhất		
Vốn tự có	37,158	36,356
Vốn cấp 1	33,894	32,700
Vốn cấp 2	3,295	3,675
Các khoản giảm trừ	31	19
Tổng tài sản có rủi ro	308,187	284,464
Tổng tài sản có rủi ro tín dụng	269,329	249,937
Tổng tài sản có rủi ro tín dụng đối tác	749	732
Vốn yêu cầu cho rủi ro thị trường	5	11
Vốn yêu cầu cho rủi ro hoạt động	3,044	2,693
Tỷ lệ an toàn vốn cấp 1	11.00%	11.50%
Tỷ lệ an toàn vốn	12.06%	12.78%
Báo cáo riêng lẻ		
Vốn tự có	37,083	36,308
Vốn cấp 1	33,819	32,653
Vốn cấp 2	3,295	3,675
Các khoản giảm trừ	31	19
Tổng tài sản có rủi ro	308,890	284,766
Tổng tài sản có rủi ro tín dụng	270,231	250,423

037765.24

Tỷ lệ an toàn vốn	30/06/2023 tỷ đồng, %	31/12/2022 tỷ đồng, %
Tổng tài sản có rủi ro tín dụng đối tác	749	732
Vốn yêu cầu cho rủi ro thị trường	5	11
Vốn yêu cầu cho rủi ro hoạt động	3,028	2,678
Tỷ lệ an toàn vốn cấp 1	10.95%	11.47%
Tỷ lệ an toàn vốn	12.01%	12.75%

037765.24

VỐN TỰ CÓ

3 Quản trị vốn tự có

3.1. Cấu trúc vốn tự có

Công cụ vốn chủ sở hữu của VIB tại thời điểm 30/06/2023 chỉ bao gồm cổ phiếu thường. Ngân hàng chưa phát sinh các công cụ vốn chủ sở hữu có tính chất nợ như cổ phiếu ưu đãi cổ tức và các công cụ vốn chủ sở hữu khác đáp ứng theo điều kiện Thông tư 41.

3.2. Tình hình vốn tự có

Vốn tự có của VIB có sự tăng trưởng mạnh mẽ qua các năm đến từ sự tăng trưởng bền vững từ vốn cấp 1.

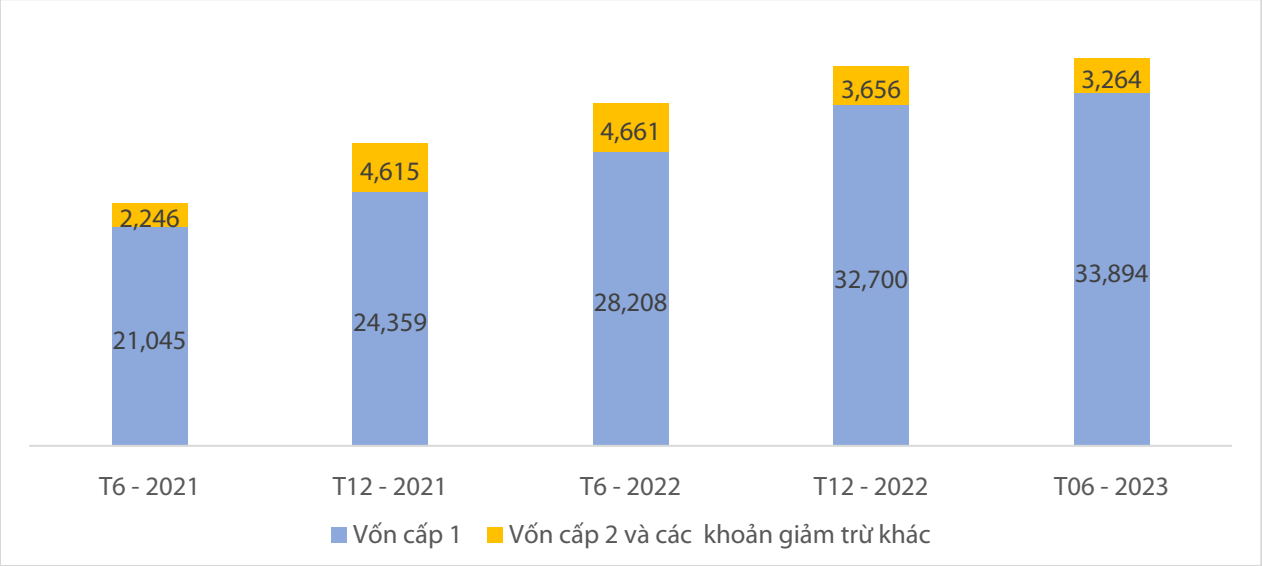

3.3. Phương pháp quản trị và tính toán

Vốn tự có bao gồm tổng Vốn cấp 1 và cấp 2 trừ đi các khoản giảm trừ quy định tại Phụ Lục 1 Thông tư 41. Vốn tự có được thường xuyên giám sát và quản lý bởi Hội đồng Vốn, trong đó các phương án tăng vốn được đưa ra phù hợp với khả năng tăng trưởng tài sản và đảm bảo tuân thủ các tỷ lệ an toàn hoạt động của ngân hàng.

VIB đã lập các phương án tăng vốn khác nhau nhằm phù hợp với khả năng tăng trưởng tài sản của Ngân hàng dưới sự cho phép của Ngân hàng Nhà nước. VIB đã và đang xây dựng, triển khai các kế hoạch nhằm tăng vốn tự có, đảm bảo các tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo quy định của pháp luật và chuẩn mực quốc tế thông qua các giải pháp:

- Tăng vốn từ việc phát hành cổ phiếu thưởng trích từ lợi nhuận giữ lại và các quỹ;
- Tăng vốn cấp 2 từ việc phát hành trái phiếu;

Để đảm bảo công tác quản trị vốn hiệu quả và an toàn, VIB thực hiện đánh giá nội bộ về mức đủ vốn

037765.24

tối thiểu (ICAAP) cho 3 năm tiếp theo. Công tác này được thực hiện định kỳ tối thiểu 1 năm/ lần nhằm đảm bảo mức đủ vốn duy trì tỷ lệ an toàn vốn mục tiêu trong kịch bản hoạt động bình thường và kịch bản có diễn biến bất lợi, làm cơ sở cho việc xây dựng và điều chỉnh kế hoạch kinh doanh của ngân hàng.

037765.24

RỦI RO TÍN DỤNG

4 Chính sách quản trị và công bố thông tin về rủi ro tín dụng

4.1. Chính sách về quản lý rủi ro tín dụng

VIB xây dựng Chính sách quản lý rủi ro trong hoạt động cấp tín dụng và thực hiện rà soát định kỳ 1 năm/lần hoặc trong trường hợp cần thiết. Theo đó, Hội đồng quản trị (HĐQT) quy định các chính sách quản lý rủi ro chung cho toàn hệ thống. Tổng Giám đốc (TGĐ) quy định về các quy trình, hướng dẫn triển khai thực hiện cũng như các hạn mức rủi ro tín dụng theo các Khối Kinh doanh, ngành nghề, sản phẩm, khách hàng... Các chính sách này được thẩm định, kiểm soát chặt chẽ bởi các phòng ban có liên quan.

Về hoạt động phê duyệt tín dụng, VIB giao thẩm quyền phê duyệt cho các cá nhân, và tập thể theo từng Khối kinh doanh trên nguyên tắc phân định rõ chức năng và phạm vi phê duyệt, cụ thể:

Đối với Khối Ngân hàng bán lẻ (NHBL): thẩm quyền phê duyệt được giao cho các cá nhân với hạn mức phù hợp, dựa trên bộ tiêu chí chấm điểm thẩm quyền phê duyệt tín dụng. Mức thẩm quyền này sẽ được giám sát thường xuyên, tối thiểu 3 tháng/lần, đồng thời, bộ tiêu chí chấm điểm thẩm quyền phê duyệt tín dụng cũng được rà soát phù hợp với khẩu vị rủi ro từng thời kỳ. Đối với thẩm quyền phê duyệt có hạn mức cao hơn, VIB giao thẩm quyền phê duyệt cho Cấp Ủy ban tín dụng (UBTD) trở lên.

Đối với Khối Khách hàng doanh nghiệp (KHDN): VIB chủ yếu giao hạn mức phê duyệt tập trung cho cấp UBTD trở lên. Đối với cấp phê duyệt cá nhân, VIB chỉ giao hạn mức thẩm quyền phê duyệt cho 1 số cá nhân theo một số sản phẩm đặc thù có chọn lọc.

Trước những thông tin tiêu cực dẫn đến sự biến động của thị trường trong giai đoạn nửa đầu năm 2023, VIB đã có sự rà soát và điều chỉnh kịp thời chính sách về hạn mức rủi ro tín dụng và các văn bản về chính sách tín dụng nhằm phù hợp với định hướng kinh doanh của VIB trong giai đoạn đầy tiềm ẩn rủi ro này.

Các chính sách cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn giảm lãi, phí và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng vượt qua khó khăn do tác động của dịch Covid-19 cũng đã được VIB triển khai đồng bộ theo định hướng của NHNN.

Về tài sản đảm bảo (TSĐB):

Để kiểm soát chất lượng tài sản dùng làm TSĐB tại VIB, VIB hầu hết sử dụng dịch vụ định giá của VIB AMC, các bên thứ ba để thực hiện định giá TSBĐ và chỉ giao thẩm quyền định giá cho đơn vị kinh doanh với tài sản ít rủi ro và hạn mức thấp. Ngân hàng cũng từng bước tiếp tục tập trung hóa công tác định giá cho VIB AMC, giảm dần định giá từ bên thứ ba.

Kiểm soát rủi ro sau cấp tín dụng:

Việc kiểm soát rủi ro tín dụng được thực hiện qua việc nhận diện sớm, kiểm soát, xử lý, kếp hợp với các công cụ phân tích dữ liệu hệ thống. Các chốt kiểm soát, vùng rủi ro nhận dạng được sẽ qua các phòng chức năng để đo lường, đánh giá, xử lý sớm cũng như phân tích nguyên nhân phát sinh để có các giải pháp giảm thiểu, ngăn ngừa phát sinh từ góc độ hệ thống, quy trình, chính sách.

Ngoài ra, VIB đang trong quá trình xây dựng và hoàn thiện các mô hình rủi ro tín dụng cho phân khúc cho vay bán lẻ theo phương pháp Basel

037765.24

nâng cao (Basel Advance Internal Rating Model). Kỹ thuật phân tích, xây dựng mô hình và báo cáo quản trị danh mục đang được ứng dụng sâu rộng vào việc phân tích rủi ro và điều chỉnh chính sách định kỳ tại VIB. Từ đó, VIB sẽ chọn lựa được các phân khúc khách hàng tốt, độ rủi ro thấp nhằm phục vụ tốt hơn nhu cầu ngày càng phát triển và mở rộng của Khối NHBL.

Việc ứng dụng sâu rộng các mô hình trong hoạt động tín dụng của VIB cũng nằm trong lộ trình triển khai Basel theo phương pháp nâng cao đã được ngân hàng thống nhất và công bố từ năm 2020. VIB vẫn đang triển khai nhất quán và quyết liệt lộ trình này với mục tiêu ứng dụng các thông lệ quốc tế, đặc biệt là các thông lệ về quản trị rủi ro vào hoạt động kinh doanh.

4.2. Công bố thông tin về tài sản có rủi ro tín dụng

Tài sản có tính theo rủi ro tín dụng, trong đó chia theo đối tượng có hệ số rủi ro theo quy định tại Điều 9 Thông tư 41.

Tài sản có rủi ro tín dụng	30/06/2023 tỷ đồng	31/12/2022 tỷ đồng	Thay đổi %
Báo cáo hợp nhất			
Tài sản tính theo rủi ro tín dụng	269,329	249,937	8%
Khoản phải đòi Chính Phủ	16	15	2%
Khoản phải đòi Định chế tài chính	69,724	55,082	27%
Khoản phải đòi Doanh nghiệp	40,537	33,025	23%
Khoản cho vay đảm bảo bằng bất động sản	11,391	12,846	-11%
Khoản cho vay thế chấp nhà ở	11,875	13,114	-9%
Khoản phải đòi Bán lẻ	117,134	126,305	-7%
Nợ xấu	9,866	6,018	64%
Các loại tài sản khác	8,786	3,532	149%
Báo cáo riêng lẻ			
Tài sản tính theo rủi ro tín dụng	270,231	250,423	8%
Khoản phải đòi Chính Phủ	16	15	2%
Khoản phải đòi Định chế tài chính	69,724	55,082	27%
Khoản phải đòi Doanh nghiệp	40,537	33,025	23%

037765.24

Tài sản có rủi ro tín dụng	30/06/2023 tỷ đồng	31/12/2022 tỷ đồng	Thay đổi %
Khoản cho vay đảm bảo bằng bất động sản	11,391	12,846	-11%
Khoản cho vay thế chấp nhà ở	11,875	13,114	-9%
Khoản phải đòi Bán lẻ	117,134	126,305	-7%
Nợ xấu	9,866	6,018	64%
Các loại tài sản khác	9,688	4,018	141%

4.3. Công bố thông tin về sử dụng xếp hạng tín nhiệm độc lập

Danh sách các doanh nghiệp xếp hạng tín nhiệm độc lập được sử dụng khi tính tỷ lệ an toàn vốn bao gồm: Moody's, Standard & Poor, Fitch Rating.

Việc quy đổi thứ hạng tín nhiệm được thực hiện theo quy định của NHNN tại điều 5 thông tư 41.

Standard & Poor's	Moody's	Fitch Rating
AAA, AA+, AA, AA-	Aaa, Aa1, Aa2, Aa3	AAA, AA+, AA, AA-
A+, A, A-	A1, A2, A3	A+, A, A-
BBB+, BBB, BBB-	Baa1, Baa2, Baa3	BBB+, BBB, BBB-
BB+, BB, BB-	Ba1, Ba2, Ba3	BB+, BB, BB-
B+, B, B-	B1, B2, B3	B+, B, B-
CCC+ và thứ hạng thấp hơn	Caa1 và thứ hạng thấp hơn	CCC+ và thứ hạng thấp hơn

Tại kỳ báo cáo 30/06/2023, các khoản phải đòi, hệ số rủi ro tương ứng theo từng thứ hạng tín nhiệm của các doanh nghiệp xếp hạng tín nhiệm độc lập được lựa chọn như sau:

Xếp hạng tín nhiệm	HSRR	30/06/2023 tỷ đồng	31/12/2022 tỷ đồng
Khoản phải đòi Chính phủ, NH TW các nước, tổ chức công lập của chính phủ, chính quyền địa phương các nước			
AAA, AA+, AA, AA-	0%	-	-
A+, A, A-	20%	-	-
BBB+, BBB, BBB-	50%	-	-
BB+, BB, BB-, B+, B, B-	100%	-	-
Dưới B- hoặc không có xếp hạng	150%	-	-

037765.24

Xếp hạng tín nhiệm	HSRR	30/06/2023 tỷ đồng	31/12/2022 tỷ đồng
Khoản phải đòi Tổ chức tài chính nước ngoài, chi nhánh NH nước ngoài tại VN			
AAA, AA+, AA, AA-	20%	37	39
A+, A, A-	50%	28	19
BBB+, BBB, BBB-	50%	-	-
BB+, BB,BB-, B+, B, B-	100%	-	-
Dưới B- hoặc Không có xếp hạng	150%	-	-
Khoản phải đòi Tổ chức tín dụng trong nước (thời hạn ban đầu từ 3 tháng trở lên)			
AAA, AA+, AA, AA-	20%	-	-
A+, A, A-	50%	-	-
BBB+, BBB, BBB-	50%	-	-
BB+, BB,BB-	80%	16,730	16,634
B+, B, B-	100%	24,505	21,479
Dưới B- hoặc Không có xếp hạng	150%	4,040	4,225
Khoản phải đòi Tổ chức tín dụng trong nước (thời hạn ban đầu dưới 3 tháng)			
AAA, AA+, AA, AA-	10%	126	-
A+, A, A-	20%	699	242
BBB+, BBB, BBB-	20%	800	121
BB+, BB,BB-	40%	9,619	2,903
B+, B, B-	50%	8,913	9,151
Dưới B- hoặc Không có xếp hạng	70%	4,465	509

4.4. Công bố thông tin về tài sản có rủi ro tín dụng theo ngành

Tài sản có rủi ro tín dụng theo ngành	30/06/2023 tỷ đồng	31/12/2022 tỷ đồng	Thay đổi %
Tổng	266,182	246,405	8%
Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	150,739	156,551	-4%
Hoạt động kinh doanh bất động sản	3,446	3,868	-11%
Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	252	222	13%
Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	79,848	60,544	32%
Hoạt động dịch vụ khác	464	496	-7%
Nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản	262	319	-18%
Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	8,930	7,525	19%

037765.24

Tài sản có rủi ro tín dụng theo ngành	30/06/2023 tỷ đồng	31/12/2022 tỷ đồng	Thay đổi %
Công nghiệp chế biến, chế tạo	12,544	8,288	51%
Xây dựng	2,086	1,951	7%
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	1,026	569	80%
Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải.	69	89	-22%
Hoạt động của đảng Cộng sản, tổ chức chính trị – xã hội, quản lý nhà nước, an ninh quốc phòng; bảo đảm xã hội bắt buộc	1	1	-13%
Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	32	18	74%
Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	620	540	14.8%
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí	1,852	1,794	3%
Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	33	42	-22%
Khai khoáng	991	775	28%
Vận tải kho bãi	2,012	2,092	-4%
Giáo dục và đào tạo	417	444	-6%
Thông tin và truyền thông	559	275	103%

4.5. Công bố thông tin về giảm thiểu rủi ro tín dụng

Tại thời điểm 30/06/2023, danh mục rủi ro tín dụng của VIB được giảm thiểu bằng 02 biện pháp chính là sử dụng tài sản đảm bảo và thực hiện bù trừ nội bảng. Ngân hàng chưa phát sinh các khoản cho vay được bảo lãnh bởi bên thứ 3 hay sử dụng các công cụ phái sinh tín dụng.

Danh mục tài sảm đảm bảo và bù trừ nội bảng tuân thủ theo quy định tại Điều 11 Thông tư 41.

	30/06/2023		31/12/2022	
Giảm thiểu rủi ro tín dụng	Trước giảm thiểu tỷ đồng	Sau giảm thiểu tỷ đồng	Trước giảm thiểu tỷ đồng	Sau giảm thiểu tỷ đồng
Tổng tài sản có rủi ro tín dụng, trong đó:	273,257	266,182	256,402	246,405
Giảm thiểu bằng tài sản đảm bảo	5,552	1,035	3,950	741
Giảm thiểu bằng bù trừ nội bảng	3,165	210	1,484	126
Giảm thiểu bằng bảo lãnh của bên thứ 3	-	-	-	-
Giảm thiểu bằng phái sinh tín dụng	-	-	-	-
Không áp dụng các biện pháp giảm thiểu	264,540	264,938	250,968	245,538

4.6. Công bố thông tin về rủi ro tín dụng đối tác

037765.24

Tài sản có rủi ro tín dụng đối tác	30/06/2023 tỷ đồng	31/12/2022 tỷ đồng	Thay đổi tỷ đồng
Tổng	749	732	17
Giao dịch tự doanh	248	113	134
Giao dịch repo và giao dịch reverse repo	-	-	-
Giao dịch sản phẩm phái sinh để phòng ngừa rủi ro	501	618	(117)
Giao dịch mua bán ngoại tệ, tài sản tài chính với mục đích phục vụ nhu cầu của khách hàng, đối tác	0.05	-	0.05

037765.24

RỦI RO HOẠT ĐỘNG

5 Chính sách quản trị và công bố thông tin về rủi ro hoạt động

5.1. Chính sách về quản lý rủi ro hoạt động

Mô hình vận hành cũng như chính sách và chiến lược quản lý rủi ro hoạt động hiện hành đáp ứng đúng yêu cầu và đảm bảo tuân thủ quy định của NHNN. Chính sách quản lý rủi ro hoạt động tiếp tục được duy trì, các Khối/Ban tại VIB đã triển khai và thực hiện nhất quán theo đúng quy định.

VIB đã xây dựng, triển khai cơ chế phối hợp và trao đổi thông tin giữa ba tuyến bảo vệ, đảm bảo hoạt động hiệu quả và đáp ứng yêu cầu của Thông tư 13/2018/TT-NHNN. Cơ chế phối hợp, trao đổi thông tin giữa các tuyến bảo vệ được thực hiện nhanh chóng, kịp thời, giúp các sự cố rủi ro hoạt động được cập nhật liên tục và phân tích để đưa ra các chốt chặn kiểm soát, các phương án khắc phục giảm thiểu tối đa các rủi ro xảy ra. Tổn thất rủi ro hoạt động được giám sát thường xuyên đảm bảo tuân thủ hạn mức đã ban hành.

5.2. Kế hoạch duy trì hoạt động liên tục trong kinh doanh

VIB đã thực hiện đầy đủ việc xây dựng, kiểm thử, rà soát định kỳ kế hoạch duy trì hoạt động liên tục (BCP) cho toàn hệ thống, đảm bảo hoạt động kinh doanh luôn được duy trì liên tục trước các tình huống gián đoạn và đáp ứng theo yêu cầu của Thông tư 13/2018/TT-NHNN. Với việc liên tục điều chỉnh các nội dung trong kế hoạch duy trì hoạt động kinh doanh phù hợp với tình hình hoạt động của các Khối/Ban, kết hợp với triển khai một số ứng dụng công nghệ hỗ trợ mới, VIB đã và đang đảm bảo hoạt động kinh doanh của toàn hàng một cách ổn định.

5.3. Công bố thông tin về rủi ro hoạt động

Vốn yêu cầu cho rủi ro hoạt động được xác định trên 15% chỉ số kinh doanh trung bình của 3 quý (quý gần nhất và quý tương ứng của 2 năm liền kề trước năm tính toán). Chỉ số kinh doanh được xác định theo hướng dẫn tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư 41

Vốn yêu cầu cho rủi ro hoạt động	30/06/2023 tỷ đồng	31/12/2022 tỷ đồng	Thay đổi %
Báo cáo hợp nhất			
Vốn yêu cầu cho rủi ro hoạt động	3,044	2,693	13%
Chỉ số BI - Quý gần nhất	25,138	23,266	8%
Chỉ số BI - cùng Quý năm trước	19,830	17,530	13%
Chỉ số BI - cùng Quý hai năm trước	15,907	13,059	22%
Báo cáo riêng lẻ			
Vốn yêu cầu cho rủi ro hoạt động	3,028	2,678	13%
Chỉ số BI - Quý gần nhất	24,978	23,157	8%
Chỉ số BI - cùng Quý năm trước	20,203	17,419	16%
Chỉ số BI - cùng Quý hai năm trước	15,375	12,985	18%

037765.24

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

6 Chính sách quản trị và công bố thông tin về rủi ro thị trường

6.1. Chính sách về quản lý rủi ro thị trường

Chính sách quản trị rủi ro thị trường thường xuyên được rà soát và cập nhật nhằm đáp ứng yêu cầu Ngân hàng Nhà nước và yêu cầu quản trị nội bộ. Để triển khai hiệu quả công tác quản trị rủi ro thị trường, Tổng Giám đốc ban hành quy định quản trị rủi ro thị trường, quy định các hạn mức rủi ro thị trường dựa trên tham mưu, tư vấn của Hội Đồng Rủi ro.

Các trạng thái rủi ro thị trường thuộc sổ kinh doanh của VIB được đánh giá lại hàng ngày theo giá thị trường để xác định mức độ lãi/lỗ và mức độ rủi ro thị trường nhằm cảnh báo và báo cáo để có các biện pháp xử lý kịp thời, giảm thiểu và phòng ngừa rủi ro. Dữ liệu thị trường được thu thập từ các nguồn tin cậy và được rà soát, đánh giá thường xuyên nhằm đưa ra các phân tích, khuyến nghị kịp thời và hiệu quả. Hạn mức rủi ro thị trường được giám sát chặt chẽ và cảnh báo kịp thời tới các đơn vị kinh doanh nhằm hạn chế các tổn thất tài chính có thể xảy ra do biến động bất lợi của yếu tố thị trường.

VIB áp dụng phương pháp đo lường giá trị tổn thất tối đa (Value at Risk- VaR) để đo lường rủi ro cho danh mục. Mô hình VaR sử dụng dữ liệu thị trường trong vòng 500 ngày làm việc gần nhất và ngưỡng tin cậy là 99%. Ngoài ra, VIB cũng thực hiện hậu kiểm mô hình VaR theo khuyến nghị của Basel, đối chiếu giữa mức lãi/lỗ thực tế của danh mục và giá trị VaR trong khoảng thời gian hậu kiểm là 1 năm và ngưỡng tin cậy là 99%.

VIB thực hiện kiểm tra sức chịu đựng của ngân hàng đối với các biến động về lãi suất, tỷ giá và giá để xác định khả năng chịu đựng rủi ro thị trường định kỳ hàng Quý hoặc trong các trường hợp thị trường diễn biến bất lợi. Phương pháp kiểm tra sức chịu đựng VIB áp dụng tuân theo khuyến nghị của Basel là stress VaR, kịch bản dựa trên dữ liệu thị trường lịch sử 1 năm tại các thời điểm khủng hoảng, điều chỉnh thêm các yếu tố rủi ro nếu cần thiết. Việc tiến hành kiểm tra sức chịu đựng giúp VIB theo dõi và chủ động thực hiện các biện pháp phòng tránh, giảm thiểu rủi ro trước các biến động mạnh của thị trường.

VIB đã áp dụng chuẩn mực Basel II theo phương pháp mô hình nội bộ (IMA) trong hoạt động quản lý rủi ro thị trường hàng ngày, nhằm nâng cao năng lực quản trị rủi ro của ngân hàng và hỗ trợ hiệu quả các quyết định kinh doanh.

Chiến lược tự doanh

Chiến lược tự doanh được Khối nguồn vốn-ngoại hối xây dựng và thực hiện dựa trên khẩu vị rủi ro của HĐQT và diễn biến của thị trường nhằm thu lợi nhuận từ biến động về tỷ giá, lãi suất hoặc thu chênh lệch giá từ các thị trường và khách hàng khác nhau. Thực hiện chiến lược tự doanh cũng góp phần gia tăng thị phần kinh doanh, nâng cao uy tín của VIB trên thị trường cũng như kết hợp bán chéo các sản phẩm khác.

Chiến lược tự doanh được Khối nguồn vốn-ngoại hối xây dựng và thực hiện dựa trên khẩu vị rủi ro của HĐQT và diễn biến của thị trường nhằm thu lợi nhuận từ biến động về tỷ giá, lãi suất hoặc thu chênh lệch giá từ các thị trường và khách hàng khác nhau. Thực hiện chiến lược tự doanh cũng góp phần gia tăng thị phần kinh doanh, nâng cao uy tín của VIB trên thị trường cũng như kết hợp bán chéo các sản phẩm khác.

037765.24

Danh mục thuộc sổ kinh doanh

Danh mục thuộc sổ kinh doanh tại thời điểm 30/06/2023: toàn bộ danh mục kinh doanh ngoại hối của ngân hàng bao gồm trạng thái giao dịch ngoại tệ giao ngay, giao dịch ngoại tệ kỳ hạn và danh mục kinh doanh hoán đổi ngoại hối.

6.2. Công bố thông tin về rủi ro thị trường

Vốn yêu cầu cho rủi ro thị trường bao gồm vốn yêu cầu cho rủi ro lãi suất và rủi ro ngoại hối. VIB không thực hiện các hoạt động kinh doanh cổ phiếu, hàng hóa và giao dịch quyền chọn nên không phát sinh vốn yêu cầu cho các rủi ro này.

Vốn yêu cầu cho rủi ro lãi suất được xác định dựa trên vốn yêu cầu cho rủi ro lãi suất cụ thể phát sinh từ biến động lãi suất do yếu tố liên quan đến từng nhà phát hành và vốn yêu cầu cho rủi ro lãi suất chung phát sinh từ biến động lãi suất do yếu tố lãi suất thị trường, được tính toán theo hướng dẫn tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư 41.

Vốn yêu cầu cho rủi ro ngoại hối, theo quy định tại Thông tư 41, chỉ áp dụng đối với trường hợp tổng trạng giá trị trạng thái ngoại hối ròng (bao gồm cả vàng) lớn hơn 2% vốn tự có của ngân hàng. Tại thời điểm 30/06/2023, tổng giá trị trạng thái ngoại hối ròng tại VIB nhỏ hơn 2% vốn tự có, do vậy vốn yêu cầu cho rủi ro ngoại hối bằng 0.

Vốn yêu cầu cho rủi ro thị trường	30/06/2023 tỷ đồng	31/12/2022 tỷ đồng	Thay đổi tỷ đồng
Tổng	5	11	(6)
Vốn yêu cầu cho rủi ro lãi suất	5	11	(6)
Vốn yêu cầu cho rủi ro giá cổ phiếu	-	-	-
Vốn yêu cầu cho rủi ro ngoại hối	-	-	-
Vốn yêu cầu cho rủi ro giá hàng hóa	-	-	-
Vốn yêu cầu cho rủi ro cho các giao dịch quyền chọn	-	-	-

037765.24

THÔNG TIN CHUNG VỀ VIB

7 Giới thiệu và định hướng quản trị rủi ro

7.1. Giới thiệu về VIB

Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam, tên viết tắt là Ngân hàng Quốc Tế (VIB) được thành lập ngày 18 tháng 9 năm 1996, hiện trụ sở của Ngân hàng ở địa chỉ Số 111A Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Đến ngày 30/06/2023, sau hơn 26 năm hoạt động, VIB đã trở thành một trong những ngân hàng TMCP hàng đầu Việt Nam với vốn chủ sở hữu đạt hơn 33.900 tỷ đồng. VIB hiện có hơn 10.883 cán bộ nhân viên phục vụ khách hàng tại 179 đơn vị kinh doanh bao gồm Hội sở chính, chi nhánh và phòng giao dịch tại các tỉnh/ thành phố trọng điểm trong cả nước.

VIB có cơ cấu điều hành lành mạnh và áp dụng các chuẩn mực về quản lý rủi ro, chú trọng quản trị đảm bảo các hệ số an toàn và minh bạch. Trong tháng 6 vừa qua, VIB đã lần thứ 3 liên tiếp góp mặt vào danh sách 50 công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam được Forbes bình chọn. Theo đó, VIB là một trong các ngân hàng tư nhân có bảng cân đối tài sản an toàn nhất hệ thống hiện nay do kiểm soát tốt các rủi ro trên thị trường trái phiếu và thị trường bất động sản. Bên cạnh đó, VIB còn là một trong các ngân hàng đầu tiên hoàn thành 3 trụ cột Basel II và tiếp tục được lựa chọn để thí điểm áp dụng Basel III.

Nhờ duy trì nền tảng vận hành tinh gọn, đầu tư bài bản vào chuyển đổi số ở tất cả các sản phẩm dịch vụ và quản trị rủi ro hiệu quả, VIB tiếp tục duy trì vị thế là một trong những ngân hàng bán lẻ hàng đầu Việt Nam về quy mô và chất lượng. Trong đó, hiện danh mục cho vay bán lẻ của VIB chiếm tới gần 90% tổng danh mục cấp tín dụng, cao gấp đôi trung bình ngành.

7.2. Quản trị rủi ro theo thông lệ quốc tế và lộ trình tuân thủ các chuẩn mực Basel

Chiến lược và khẩu vị rủi ro

VIB xây dựng Chính sách quản lý rủi ro cho 3 năm liên tiếp, thực hiện rà soát định kỳ 1 năm/ lần hoặc trong trường hợp cần thiết. Theo đó, Hội đồng quản trị quy định các Chính sách quản lý rủi ro chung cho toàn hệ thống. Tổng Giám đốc sẽ quy định các hạn mức cụ thể theo các Khối Kinh doanh, ngành nghề, sản phẩm, khách hàng... Các hạn mức này sẽ được kiểm soát chặt chẽ bởi các phòng ban có liên quan.

037765.24

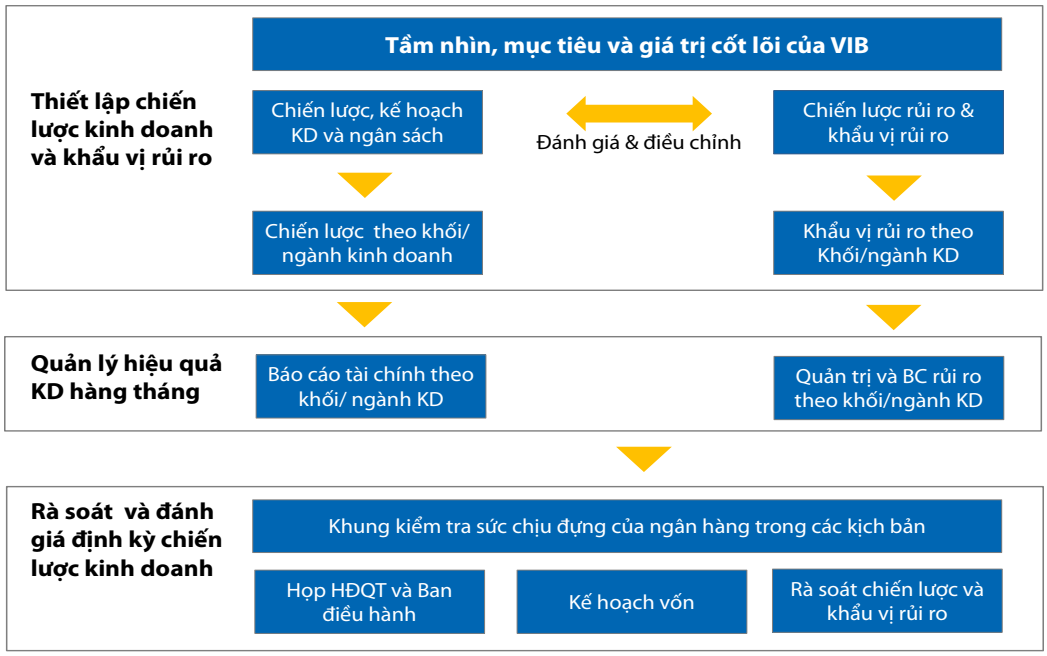

VIB xây dựng Chính sách quản lý rủi ro cho tất cả các rủi ro trọng yếu bao gồm rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản, rủi ro hoạt động, rủi ro tập trung, rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng và rủi ro tuân thủ. Trong đó Chính sách chú trọng đưa ra các nguyên tắc quản lý rủi ro và nguyên tắc áp dụng các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu rủi ro. Chính sách quản lý rủi ro quy định khẩu vị rủi ro đối với tỷ lệ an toàn vốn mục tiêu, các chỉ tiêu về thu nhập, chiến lược quản lý đối với từng loại rủi ro trọng yếu của ngân hàng. Đối với rủi ro tín dụng, rủi ro trọng yếu nhất của ngân hàng, VIB quy định chiến lược cho toàn hàng và theo từng Khối kinh doanh, chi tiết các chỉ số ngưỡng giới hạn, định hướng ưu tiên/hạn chế những hoạt động/lĩnh vực/sản phẩm tín dụng/khách hàng hoặc nhóm khách hàng/loại hình tài sản đảm bảo.

Tình hình thực hiện 3 trụ cột của Basel II

Sau khi trở thành Ngân hàng đầu tiên công bố hoàn thành cả 3 trụ cột Basel II theo yêu cầu của thông tư 41/2016/TT-NHNN và thông tư 13/2018/TT-NHNN vào tháng 12/2019, VIB tiếp tục đầu tư mạnh vào việc nâng cao năng lực quản trị rủi ro theo định hướng chuyển đổi số hóa mạnh các hoạt động kinh doanh.

Đồng thời, VIB luôn chú trọng việc rà soát và xác định các loại rủi ro trọng yếu. Các rủi ro trọng yếu của VIB bao gồm rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, rủi ro hoạt động, rủi ro tập trung, rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng, rủi ro thanh khoản và rủi ro tuân thủ. Việc nhận diện các rủi ro trọng yếu được xác định dựa trên việc đánh giá tác động của rủi ro đến từng loại hoạt động kinh doanh trọng yếu theo các tiêu chí tài chính và phi tài chính, đồng thời đánh giá hiệu quả của việc kiểm soát rủi ro để xác định rủi ro còn tồn tại của Ngân hàng để làm nền tảng đầy đủ cho công tác quản trị ngân hàng và thực hiện đánh giá nội bộ về mức đủ vốn.

Dựa trên việc nhận diện rủi ro trọng yếu, hệ thống các văn bản, quy trình, quy định liên tục được rà soát, cập nhật định kỳ hoặc ngay khi có yêu cầu thay đổi từ môi trường kinh doanh, các quy định của cơ quan quản lý. VIB thực hiện đồng bộ việc rà soát, ban hành quy định và triển khai quy định trên các hệ thống tác nghiệp trong ngân hàng, đề cao tính tuân thủ và tối ưu hiệu quả hoạt động.

Từ sau khi hoàn thành 3 trụ cột Basel II theo phương pháp tiêu chuẩn, VIB tập trung triển khai các mô hình lượng hóa rủi ro tín dụng, loại rủi ro chiếm tới trên 90% Tổng tài sản có rủi ro của Ngân

037765.24

hàng. Trong năm 2023, VIB sẽ hoàn tất việc ứng dụng toàn bộ thẻ điểm chấm điểm khách hàng tại thời điểm đề xuất vay vốn để hỗ trợ việc ra quyết định cấp tín dụng. Các thẻ điểm đánh giá khách hàng sau giải ngân cũng đã được ứng dụng sâu rộng vào việc nhận diện rủi ro sớm, tăng hạn mức, bán chéo sản phẩm. Ngoài các mô hình/thẻ điểm phục vụ trực tiếp việc ra quyết định tín dụng, VIB cũng phát triển các mô hình đo lường tổn thất vốn dự kiến theo phương pháp Xếp hạng tín dụng nội bộ nâng cao của Basel đối với các phân khúc bán lẻ để áp dụng vào việc lượng hóa rủi ro và trong hoạt động tín dụng của ngân hàng, điều chỉnh lãi suất cho vay theo rủi ro, cũng như định vị phân khúc kinh doanh chủ lực, tiếp đó là mục tiêu quản trị Vốn. Lộ trình triển khai sẽ bám sát các hướng dẫn của NHNN về việc áp dụng Basel theo phương pháp nâng cao trong quản lý và vận hành với mục tiêu ứng dụng các phương pháp quản trị rủi ro tiên tiến vào quyết định kinh doanh. Với việc NHNN ban hành quyết định 1382 vào tháng 7 năm 2022, trong đó đề cập tới mục tiêu hoàn thành Basel phương pháp nâng cao trước năm 2025, VIB tự tin hoàn thành và ứng dụng toàn bộ các mô hình theo Basel AIRB trước thời điểm này.

Để thực hiện được lộ trình triển khai Basel theo phương pháp nâng cao, VIB đã đầu tư mạnh về hệ thống công nghệ. Các hệ thống được lên kế hoạch và quản lý đồng bộ thiết kế đồng bộ, hỗ trợ nghiệp vụ tín dụng từ khâu khởi tạo khoản vay tới khi tất toán theo định hướng số hóa, rút ngắn thời gian thu thập thông tin đồng thời kiểm tra chéo tính chính xác của dữ liệu thu thập thông qua việc liên thông các hệ thống; tiếp đó là Hệ thống giải pháp tín dụng, tiếp nhận và xử lý thông tin từ khâu khởi tạo, xếp hạng tín dụng, thẩm định, phê duyệt khoản vay, quản lý tài sản đảm bảo và hạn mức của khách hàng. Hệ thống giải pháp tín dụng sẽ tiếp tục được liên thông với Hệ thống Ngân hàng lõi (Core banking) và hệ thống Thu hồi nợ (Debt collection System) để thu thập thông tin phát sinh trong toàn bộ vòng đời của khoản vay và đảm bảo sự đồng bộ của dữ liệu. Với việc đầu tư và đồng bộ các hệ thống này và định hướng tập trung vào Ngân hàng bán lẻ, VIB hướng tới việc sử dụng dữ liệu để phân tích rủi ro và điều chỉnh ngược lại các quyết định kinh doanh. Tới nay, các dự án lớn về triển khai hệ thống công nghệ thông tin hỗ trợ các nghiệp vụ của ngân hàng vẫn liên tiếp được khởi tạo, triển khai quyết liệt và đưa vào sử dụng, phù hợp chiến lược chuyển đổi ngân hàng.

Trụ cột	Hạng mục	NHNN yêu cầu	VIB đáp ứng
Trụ cột 1	Thời gian hoàn thành	01.01.2020	01.01.2019
	CAR tối thiểu	8,0%	10,34%
	Sửa đổi ban hành chính sách liên quan	Yêu cầu	Đáp ứng
	Công cụ đo lường CAR chính xác	Yêu cầu	Đáp ứng
Trụ cột 2	Thời gian hoàn thành	01.01.2021	01.12.2019
	Quy trình đánh giá mức đủ vốn nội bộ	Yêu cầu	Đáp ứng
Trụ cột 3	Thời gian hoàn thành	01.01.2020	01.01.2019
	Công bố thông tin đầy đủ, đúng hạn	Yêu cầu	Đáp ứng

Tổng Giám đốc

Hàn Ngọc Vũ